

KẾT QUẢ KIỂM TOÁN KIẾN NGHỊ GIẢM CHI ĐẦU TƯ NSNN NĂM 2023

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Thu hồi nộp NSNN các khoản chi sai quy định	Thu hồi cho vay tạm ứng sai quy định	Thu hồi kinh phí thừa	Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau	Chuyển quyết toán năm sau	Kiến nghị xử lý tài chính khác
	Báo cáo kiểm toán							
A	B	I=2+3+...+7	2	3	4	5	6	7
Tổng hợp kiến nghị giảm chi thường xuyên NSNN		2.185.873.213.876	70.872.172.067	500.000.000	1.509.836.724.492	391.483.918.593		213.180.398.724
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án các công trình hạ tầng được Chính phủ Ai-len tài trợ thuộc Chương trình 135 tại 05 tỉnh, gồm Hà Giang, Hòa Bình, Quảng Trị, Kon Tum và Trà Vinh	334.449.700	322.697.700			11.752.000		
-	Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2023 của KTNN chuyên ngành Ia	59.958.823.677	6.031.154.313		5.542.066.187	10.562.216.382		37.823.386.795
-	Tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2023 của KTNN chuyên ngành Ib	47.015.562.156	3.774.636.417		19.324.301.794	21.399.247.072		2.517.376.873
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022; chuyên đề việc đầu tư mua sắm, ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin, các hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin giai đoạn 2020-2022 của Bộ Tư pháp	178.801.039	172.426.420			6.374.619		
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022 tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	237.991.549	237.991.549					
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022 tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư	94.068.707	19.217.163			74.851.544		
-	Kiểm toán chuyên đề công tác lập, phân bổ vốn đầu tư Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội; việc thực hiện các chính sách đầu tư phát triển theo Nghị quyết số 43/2022/QH15	5.201.169.724	520.232.000			4.680.937.724		
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công và Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 Bộ Giao thông vận tải; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại Bộ Giao thông vận tải	478.590.717	419.774.717			58.816.000		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 (đoạn Vĩnh Hảo - Phan Thiết)	9.147.431.442				9.147.431.442		

-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022 tại Bộ Tài chính; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 Bộ Tài chính	1.299.395.781				1.299.395.781		
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 của Bộ Công Thương	680.235.436	23.166.773			657.068.663		
-	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022 tại Đài Truyền hình Việt Nam; Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 Đài Truyền hình Việt Nam	555.915.000	555.915.000					
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 tại Bộ Khoa học và Công nghệ	126.250.035			126.250.035			
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ	5.904.178.000	4.806.795.595			1.097.382.405		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc	1.595.042.466				1.595.042.466		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối Quốc lộ 91 và Quốc lộ 61C)	1.089.785.782				1.089.785.782		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang	3.568.315.000				3.568.315.000		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường giao thông liên vùng kết nối đường Hồ Chí Minh với quốc lộ 70B, Quốc lộ 32C tỉnh Phú Thọ đi tỉnh Yên Bái	9.874.634.469				9.874.634.469		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án tuyến đường trục phát triển kinh tế Đông Tây, tỉnh Sóc Trăng	1.838.947.000	349.222.000			1.489.725.000		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiên -Diêm Vân	712.581.000				712.581.000		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án quản lý nguồn nước và ngập lụt Vĩnh Phúc	7.024.109.000				7.024.109.000		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Phát triển tổng hợp đô thị động lực - Thành phố Thái Nguyên	3.726.348.000				3.726.348.000		
-	Các Dự án và hạng mục sử dụng vốn dư của Dự án Quản lý tài sản đường bộ Việt Nam	8.348.775.000	187.473.000			8.161.302.000		
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương: Phú Thọ, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Thanh Hóa, Bình Phước, Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Vĩnh Long, Cần Thơ (13 địa phương)	123.858.570.209			36.138.411.404	6.589.982.805		81.130.176.000

-	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	44.881.761.795			44.881.761.795			
-	Chuyên đề dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - tiêu dự án thành phố Phan rang tháp chàm, tỉnh Ninh Thuận.	3.017.691.295			124.428.621	2.893.262.674		
-	Dự án khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh Miền trung - tỉnh Quảng Ngãi	1.876.258.038	1.625.166.643		197.640.401	53.450.994		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý sử dụng vốn đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng Nhà quốc hội Lào	10.300.364.770				10.300.364.770		
-	Kiểm toán Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 tại Ủy ban dân tộc và các địa phương: Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Sơn La, Điện Biên, Nghệ An, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Nông (12 địa phương)	11.532.704.000	57.277.000			150.801.000		11.324.626.000
-	Kiểm toán Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tại Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các địa phương: Lào Cai, Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Yên Bái, Cao Bằng, Nghệ An, Quảng Trị, Quảng Nam, Khánh Hòa, Bến Tre (12 địa phương)	14.780.678.909	14.260.934			132.284.882		14.634.133.093
-	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Kiểm toán hoạt động chủ đề Chương trình hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP; Kiểm toán chuyên đề việc đầu tư mua sắm, ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin, các hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin giai đoạn 2020-2022 tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	1.203.469.510				501.059.135		702.410.375
-	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022; Kiểm toán hoạt động chủ đề chương trình hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.074.189.031						1.074.189.031
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cầu Vĩnh Tuy - giai đoạn 2	4.654.332.351				4.654.332.351		
-	Kiểm toán hoạt động chủ đề việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế giai đoạn 2020-2022 trên địa bàn tỉnh Hà Nam	930.407.357	378.009.793			552.397.564		
-	Kiểm toán NSĐP năm 2022 tỉnh Vĩnh Phúc; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tại tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2022; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh	9.357.827.228	1.401.377.606			7.956.449.622		

	Vinh Phúc; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do tỉnh Vinh Phúc quản lý giai đoạn 2020-2022; Kiểm toán hoạt động chủ đề việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế giai đoạn 2020-2022 trên địa bàn tỉnh Vinh Phúc							
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 tỉnh Bắc Ninh; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do tỉnh Bắc Ninh quản lý giai đoạn 2020-2022; Kiểm toán hoạt động chủ đề việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế giai đoạn 2020-2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	1.112.069.851	1.053.646.384			58.423.467		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 và Chuyên đề lồng ghép của thành phố Hà Nội	41.128.742.570	5.261.794.234			35.866.948.336		
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 tỉnh Quảng Trị; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Quảng Trị	150.205.672.669			150.205.672.669			
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 tỉnh Thừa Thiên Huế; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Thừa Thiên Huế	78.585.942.207			78.585.942.207			
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 (Đoạn Cam Lộ - La Sơn)	9.261.888.000				9.261.888.000		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Nghệ An; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Nghệ An; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Nghệ An	46.745.002.796	1.308.287.210	500.000.000	39.691.405.836	5.245.309.750		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương và Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 tỉnh Hà Tĩnh; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Hà Tĩnh	1.911.375.827	612.966.000		425.022.000	873.387.827		
-	Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 tỉnh Quảng Nam	13.313.367.187			13.313.367.187			
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Quảng Ngãi; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Quảng Ngãi; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Quảng Ngãi; Chuyên đề công tác quản lý, sử dụng đất đai nhà nước cho thuê giai đoạn 2020-2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	6.770.564.665	580.482.000		4.386.588.665	1.803.494.000		

-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án nhóm B tại tỉnh Bình Định: Dự án xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước; dự án đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn; Dự án Đường Điện Biên Phủ nối dài đến khu đô thị Diêm Vân; Dự án tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn; Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng cảng cá Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn	6.967.908.000	335.884.000			6.632.024.000		
-	Kiểm toán NSDP và Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 thành phố Đà Nẵng; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại thành phố Đà Nẵng; Kiểm toán chuyên đề công tác quản lý, sử dụng đất nhà nước cho thuê giai đoạn 2020-2022 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	41.356.800.173	2.161.682.429			39.195.117.744		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư Dự án Vệ sinh môi trường Thành phố Hồ Chí Minh - Giai đoạn 2	626.375.123	79.380.000			370.754.214		176.240.909
-	Kiểm toán NSDP năm 2022 của tỉnh Bình Dương; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020 - 2022 tại tỉnh Bình Dương; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020 - 2022 tại tỉnh Bình Dương; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Bình Dương	5.090.102.770	1.811.294.721			2.561.259.049		717.549.000
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Bệnh viện Đa khoa 1.500 giường	14.314.835.696	127.853.296			14.186.982.400		
-	Kiểm toán NSDP năm 2022 của Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020 -2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh	59.866.584.951	4.275.891.375		37.627.563.275	3.690.615.847		14.272.514.454
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Hậu Giang	3.849.438.496	2.419.633.496			1.429.805.000		
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Cà Mau	12.026.640.421			12.026.640.421			
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Kiên Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Kiên Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Kiên Giang	34.694.902.988	981.195.909		21.699.221.517	12.014.485.562		
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Sóc Trăng	2.958.312.491			2.958.312.491			
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường cao tốc Vân Đồn - Tiên Yên	1.847.720.400				1.847.720.400		

-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư các dự án nhóm B tại tỉnh Quảng Ninh: Dự án Mở rộng đường 334 đoạn từ sân golf Ao Tiên đến nút giao giữa đường 334 và đường vào công viên phức hợp Khu kinh tế Vân Đồn; Dự án Tuyến đường trục chính trung tâm khu đô thị Cái Rồng - Giai đoạn 2, khu kinh tế Vân Đồn	613.055.031				613.055.031		
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Hải Dương	5.000.000.000	5.000.000.000					
-	Kiểm toán ngân sách địa phương và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 thành phố Hải Phòng	5.154.375.900	1.922.245.000		1.520.962.900	1.711.168.000		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Hưng Yên; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Hưng Yên; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Hưng Yên	17.710.361.866	370.881.000		15.550.380.866	1.789.100.000		
-	Kiểm toán hoạt động Đề án ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La (Đề án 666) tại tỉnh Lai Châu	746.148.317				572.102.208		174.046.109
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Lào Cai	8.467.445.378	208.747.174			4.057.504.895		4.201.193.309
-	Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Điện Biên	227.061.799.307			227.061.799.307			
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Sơn La	80.021.624.340			80.021.624.340			
-	Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Điện Biên; Kiểm toán hoạt động chủ đề Đề án ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La (Đề án 666) tại tỉnh Điện Biên	200.000.000.000			200.000.000.000			
-	Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Lai Châu	43.970.948.122			43.970.948.122			
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Phú Thọ; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Phú Thọ; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Phú Thọ	150.602.031.299	196.967.585		139.995.465.538	5.609.474.959		4.800.123.217
-	Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Sơn La; Kiểm toán hoạt động chủ đề Đề án ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La (Đề án 666) tại tỉnh Sơn La	20.230.792.997	92.157.493		19.297.400.761	288.762.625		552.472.118
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Yên Bái	84.959.881.200			84.959.881.200			

-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên	3.935.881.000	141.052.000			3.794.829.000		
-	Chương trình đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 11/8/2021 của HĐND tỉnh Phú Yên	863.422.000	395.169.000			468.253.000		
-	Kiểm toán chuyên đề đánh giá tính hiệu quả các chính sách ưu đãi đầu tư và việc đầu tư xây dựng dự án đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2020-2022	194.076.000				194.076.000		
-	Chương trình, dự án phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận	5.690.280.000	3.686.541.000			2.003.739.000		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Khánh Hòa Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Khánh Hòa Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Khánh Hòa	68.701.169.207	762.382.000		39.544.879.207	552.436.000		27.841.472.000
-	Kiểm toán chuyên đề đánh giá tính hiệu quả các chính sách ưu đãi đầu tư và việc đầu tư xây dựng dự án đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2020-2022	165.666.000				165.666.000		
-	Kiểm toán chuyên đề đánh giá tính hiệu quả các chính sách ưu đãi đầu tư và việc đầu tư xây dựng dự án đối với Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2020-2022	1.732.517.995	361.540.080		1.090.498.276	280.479.639		
-	Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Ninh Thuận	3.203.946.333			3.203.946.333			
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Lâm Đồng; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Lâm Đồng	11.179.676.006	1.584.467.000		4.971.335.012	4.623.873.994		
-	Kiểm toán chuyên đề đánh giá tính hiệu quả các chính sách ưu đãi đầu tư và việc đầu tư xây dựng dự án đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2020-2022	704.063.000	256.100.000			447.963.000		
-	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý sử dụng vốn đầu tư Dự án đường ĐT845 đoạn Trường Xuân - Tân Phước	2.912.971.000				2.912.971.000		
-	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý sử dụng vốn đầu tư các dự án nhóm B tại tỉnh Trà Vinh: Dự án đường kết nối Quốc lộ 53 với đường cây ăn trái; Dự án nạo vét	2.154.134.000				2.154.134.000		

	18 tuyến kênh thủy lợi phục vụ sản xuất; Dự án đầu tư xây dựng 34 công nội đồng trên địa bàn tỉnh; Dự án đầu tư xây dựng 15 trạm bơm điện - kênh bê tông phục vụ sản xuất nông nghiệp							
-	Kiểm toán NSDP năm 2022 tỉnh Tiền Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tỉnh Tiền Giang	12.177.151.123	4.237.102.000			158.240.508	7.463.263.000	318.545.615
-	BCKT BCQT ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Trà Vinh; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế, giao thông, thủy lợi giai đoạn 2020-2022 của tỉnh Trà Vinh	509.341.573				509.341.573		
-	BCKT BCQT ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Bến Tre; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế, giao thông, thủy lợi giai đoạn 2020-2022 của tỉnh Bến Tre	74.909.829				74.909.829		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh An Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tỉnh An Giang	27.013.470.834	2.449.061.000			22.627.183.834	1.929.758.000	7.468.000
-	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý sử dụng vốn đầu tư Dự án phát triển cơ sở hạ tầng tại tỉnh Đồng Tháp	1.676.501.500	53.633.700				1.622.867.800	
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Thái Nguyên; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Thái Nguyên; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Thái Nguyên	7.852.012.368	970.861.431				6.881.150.937	
-	Kiểm toán chuyên đề Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn-Tiểu dự án Lạng Sơn	247.896.684					247.896.684	
-	Kiểm toán chuyên đề Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn-Tiểu dự án Cao Bằng	355.285.646	48.042.418				307.243.228	
-	Kiểm toán chuyên đề Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn-Tiểu Dự án Bắc Kạn	218.076.295					218.076.295	
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Hà Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Hà Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Hà Giang	60.958.780				60.958.780		
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Lạng Sơn; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Lạng Sơn	24.728.822.803	3.903.844.704				18.821.468.099	2.003.510.000

-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Bắc Kạn; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Bắc Kạn	21.297.362.794			21.297.362.794			
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Tuyên Quang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Tuyên Quang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Tuyên Quang	425.744.770			425.744.770			
-	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Cao Bằng; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Cao Bằng	8.535.817.604			8.535.817.604			
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc QLSD vốn đầu tư các dự án đầu tư nhóm B tại tỉnh Hà Giang: Dự án cải tạo nâng cấp đoạn Km13-Km17 và đoạn Km36+183, Km46+00, ĐT.176 (Yên Minh- Mậu Duệ- Mèo Vạc) tỉnh Hà Giang; Dự án cải tạo nâng cấp đường Bắc Quang -Xín Mần (ĐT177), đoạn Km0-Km55, tỉnh Hà Giang (giai đoạn I)	2.030.455.353				2.030.455.353		
-	Kiểm toán chuyên đề Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn-Tiểu Dự án Hà Giang	1.683.788.318				1.683.788.318		
-	Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 tỉnh Nam Định	24.500.000			24.500.000			
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường bộ ven biển Việt Nam qua địa bàn tỉnh Thái Bình theo Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 28/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ	3.299.577.000				3.299.577.000		
-	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường bộ ven biển Việt Nam qua địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 28/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ	351.068.000				351.068.000		
-	Kiểm toán chuyên đề việc điều tiết, quản lý, sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư phát triển kinh tế xã hội năm 2022 theo Nghị quyết HĐND tỉnh Thái Bình	14.328.881.826				6.896.434.000		7.432.447.826
-	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Thanh Hóa; Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Thanh Hóa	32.202.583.000			7.191.000.000	25.011.583.000		

Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Ninh Bình; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Ninh Bình; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Ninh Bình; Kiểm toán chuyên đề việc đầu tư mua sắm, ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin, các hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Ninh Bình	10.240.016.000				10.240.016.000		
Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường bộ ven biển Việt Nam qua địa bàn tỉnh Nam Định theo Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 28/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ	665.655.000				665.655.000		
Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Đắk Lắk và Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Đắk Lắk	24.536.893.000	768.911.000		20.944.550.000	2.327.032.000		496.400.000
Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Gia Lai; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Gia Lai; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Gia Lai	3.921.004.000	532.676.000		1.277.892.000	2.110.436.000		
Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Đắk Nông; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Đắk Nông; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý và sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Đắk Nông; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2020 -2022 tại tỉnh Đắk Nông	6.039.676.000			5.812.000.000	227.676.000		
Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Kon Tum; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Kon Tum; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý và sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Kon Tum; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2020 -2022 tại tỉnh Kon Tum	26.808.588.000	126.203.000		25.577.664.000	1.104.721.000		
Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Kiểm toán chuyên đề việc đầu tư mua sắm, ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin, các hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin giai đoạn 2020-2022 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	72.245.590.089	142.572.735		66.875.840.433	5.227.176.921		
Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Đồng Nai; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Đồng Nai; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ	6.271.298.935	754.229.070			5.517.069.865		

và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Đồng Nai; Chuyên đề công tác bảo vệ môi trường về thu gom xử lý rác thải, xử lý tiêu thoát nước thải giai đoạn 2020-2022 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai							
Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Bình Phước; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Bình Phước; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2021 -2022 tại tỉnh Bình Phước	980.118.000						980.118.000